

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH QUẢNG BÌNH

Bản án số: 01 /2015/LĐ-ST

Ngày: 22 - 4 - 2015

V/v: "Tranh chấp đòi tiền BHXH và BHYT..."

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông: Lê Hồng Sơn

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông: Trương Quang Lương

2. Bà: Hồ Thị Vĩnh

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Dương Thị Nga - Cán bộ TAND
Thành phố Đồng Hới.

- *Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thành Huế - Kiểm sát viên
Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới.

Trong ngày 22 tháng 4 năm 2015, tại Trụ sở, Tòa án nhân dân TP. Đồng Hới xét xử sơ thẩm công khai vụ án Lao động thụ lý số 05/2014/TLST-LĐ ngày 04 tháng 12 năm 2014 về việc "Tranh chấp đòi nợ tiền BHXH và BHYT" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2015/QĐST-LĐ ngày 05/3/2015 (Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2015/QĐHPT-LĐ ngày 23/3/2015 và Thông báo mở lại phiên tòa số 21/TB-TA ngày 09/4/2015) giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bảo hiểm xã hội thành phố Đ., tỉnh Quảng Bình. Địa chỉ: 183A đường Đ. phường N., thành phố Đ., tỉnh Quảng Bình. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn H. - P.Giám đốc phụ trách. Đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Đình Đ. - Cán bộ thu (Theo Giấy uỷ quyền của Phó giám đốc Phụ trách BHXH thành phố Đ. ngày 13/01/2015). Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng và Thương mại N.. Địa chỉ: Thôn Đ., xã Đ., thành phố Đ., tỉnh Quảng Bình. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn D. - Giám đốc Công ty. Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/11/2014, bản tự khai ngày 18/12/2014 và tại phiên tòa, người đại diện của nguyên đơn Bảo hiểm xã hội thành phố Đ. trình bày:

Theo quy định tại các Điều 91, 92 Luật Bảo hiểm xã hội và Điều 43 Nghị định 152/2006/NĐ-CP ngày 22/12/2006 của Chính phủ thì hàng tháng Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại N. (sau đây gọi tắt là Công ty TNHH N.) có nghĩa

vụ đóng BHXH, BHYT và trích tiền công tiền lương của người lao động có tham gia BHXH theo mức quy định để đóng cùng một lúc vào quỹ BHXH, quỹ BHYT tại BHXH thành phố Đ. Tuy nhiên, trong thời gian qua Công ty TNHH N. đã thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Mặc dù BHXH thành phố Đ. đã nhiều lần đôn đốc, phối hợp tìm biện pháp khắc phục và Công ty cũng đã nhiều lần cam kết, nhưng vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ. Ngày 12/9/2014 BHXH thành phố Đ. đã có công văn 122/BHXH về việc chuẩn bị khởi kiện, thông báo kết quả đóng BHXH, BHYT, BHTN cho Công ty N., nhận được công văn Công ty đã điện thoại xin gia hạn, nhưng đến ngày 30/9/2014 Công ty TNHH N. vẫn không nộp số tiền còn nợ BHXH. Tính từ tháng 01/2012 đến ngày 30/11/2014 Công ty N. (hiện còn tham gia BHXH, BHYT cho 02 lao động, không tham gia BHTN) nợ 35 tháng BHXH, BHYT với số tiền là 99.829.956 đồng, trong đó nợ tiền phải đóng là 83.241.702 đồng, tiền lãi 16.588.254 đồng. Xét thấy Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại N. đã vi phạm Điều 134 Luật BHXH làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, BHXH thành phố Đ. yêu cầu Toà án giải quyết buộc Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại N. phải trả toàn bộ nợ BHXH, BHYT nói trên cho Bảo hiểm xã hội thành phố Đ. theo quy định của pháp luật.

Khi nguyên đơn khởi kiện, Công ty TNHH N. không tham gia BHTN cho 2 lao động, nhưng kể từ ngày 01/01/2015 (ngày Luật Việc làm 2013 có hiệu lực) theo quy định tại Điều 43, 44 Luật này quy định Công ty N. phải có nghĩa vụ thực hiện đóng BHTN bắt buộc cho 2 lao động đã tham gia BHXH, cho đến nay bị đơn vẫn chưa thực hiện việc đóng nộp.

Tại phiên toà nguyên đơn cung cấp tài liệu chứng cứ số về nợ của bị đơn đến ngày 16/4/2015 và bổ sung yêu cầu, đề nghị Toà án buộc Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại N. phải đóng số tiền còn đóng thiếu và chịu tiền lãi theo quy định, số tiền tổng cộng là: 111.495.654 đồng, trong đó BHXH là: 98.270.890 đồng (đóng thiếu 80.855.227 đồng, tiền lãi 17.415.663 đồng), BHYT: 12.777.221 đồng (đóng thiếu 10.779.770 đồng, tiền lãi 1.997.541 đồng); BHTN: 447.543 đồng (đóng thiếu 445.440 đồng lãi 2.103 đồng).

Về bị đơn Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại N. đã được Toà án gửi thông báo thụ lý vụ án, nhiều lần triệu tập họp lệ đối với người đại diện theo pháp luật của bị đơn đến Toà để giải quyết vụ án; giấy triệu tập, thông báo phiên hoà giải cũng đã được cán bộ Toà án trực tiếp tổng đạt đến Công ty nhiều lần, nhưng đại diện của bị đơn không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn cho Toà án và cũng không đến Toà án để hoà giải, nên việc hoà giải không tiến hành được.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập bị đơn đến phiên toà đã được Toà án tổng đạt trực tiếp tại trụ sở Công ty, tại phiên toà ngày 23/3/2015 bị đơn vắng mặt lần thứ nhất nên Toà án đã hoãn phiên toà. Bị đơn đã được tổng đạt trực tiếp và gửi bảo đảm qua bưu điện Thông báo mở lại phiên toà lần thứ hai, tại phiên toà hôm nay bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án Thẩm phán, Hội đồng

xét xử, đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ tố tụng dân sự; riêng bị đơn có căn cứ xác định cố tình từ bỏ quyền và nghĩa vụ phải thực hiện của mình theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả xét hỏi, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng: Xét quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Toà án đã làm đầy đủ các thủ tục theo đúng quy định tại các điều 56, 58, 60 và khoản 1 Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông Phan Văn D. đại diện theo pháp luật của bị đơn đều vắng mặt trong quá trình điều tra, hoà giải và xét xử vụ án, tức là bị đơn cố tình từ bỏ quyền và nghĩa vụ phải thực hiện của mình theo quy định của pháp luật. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 điều 199, khoản 3 điều 202 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung tranh chấp: Xét Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại N. là doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh ngành nghề Mua bán vật liệu xây dựng; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ vữa, xi măng; Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, thuỷ lợi. Trong quá trình sản xuất, kinh doanh Công ty TNHH N. là người sử dụng lao động phải có trách nhiệm, nghĩa vụ tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp bắt buộc cho người lao động theo quy định tại Điều 186 Bộ luật Lao động 2012, điểm a khoản 1 Điều 18, Điều 91, Điều 92 Luật BHXH 2006 và Điều 12, Điều 13, Điều 15 Luật BHYT 2008, Điều 43, Điều 44, các điểm a, b khoản 1 Điều 57 Luật Việc làm 2013. Theo đó, Công ty TNHH N. hằng tháng có trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội, đóng bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, đồng thời trích từ tiền lương, tiền công của người lao động để đóng cùng một lúc vào quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ bảo hiểm y tế tại Bảo hiểm xã hội thành phố Đ..

Tuy nhiên, bị đơn Công ty TNHH N. đã không đóng đủ, đóng chậm thời gian quy định số tiền BHXH, BHYT, BHTN phải đóng từ năm 2012 cho đến nay. Theo các thông báo kết quả đóng BHXH, BHYT, BHTN hàng tháng, hàng quý, do cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố Đồng Hới lập đã thông báo cho Công ty TNHH N. để đơn vị kiểm tra đối chiếu, nếu chưa thống nhất thì yêu cầu đến BHXH thành phố Đ. để kiểm tra và điều chỉnh, Công ty TNHH N. cũng không có khiếu nại gì về số lượng người lao động doanh nghiệp đăng ký tham gia bảo hiểm, mức đóng nộp, số tiền phải đóng, số tiền đã nộp, số tiền còn thiếu. Mặt khác, khi thụ lý giải quyết vụ án, Toà án đã thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn biết BHXH thành phố Đ. kiện đòi nợ số tiền BHXH và BHYT Công ty chưa đóng và lãi phát sinh theo quy định của pháp luật, nhưng Công ty TNHH N. không có ý kiến phản đối về số tiền còn nợ và không cung cấp chứng cứ gì khác. Điều đó, thể hiện bị đơn đã thừa nhận số nợ, nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định số liệu mà BHXH thành phố tính toán là đúng theo đăng ký tham gia bảo hiểm của bị đơn.

Đối với khoản tiền nợ BHXH, BHYT theo quy định tại khoản 3 Điều 138 Luật BHXH thì người sử dụng lao động có hành vi vi phạm pháp luật quy định tại Điều 134 của Luật này từ ba mươi ngày trở lên thì ngoài việc phải đóng số tiền chưa đóng, chậm đóng và bị xử lý theo quy định của pháp luật, còn phải đóng tiền lãi của số tiền chưa đóng, chậm đóng theo mức lãi suất của hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội trong năm. Mức lãi suất đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội hàng năm do BHXHVN thông báo để áp dụng trong toàn quốc (theo đó, mức lãi suất áp dụng từ ngày 01/01/2012 là 14.2%/năm, tương đương 1,183%/tháng, từ ngày 01/01/2013 là 11,86%/năm, tương đương 0,988%/tháng, từ ngày 01/01/2014 là 10,45%/năm, tương đương 0,87%/tháng, từ ngày 01/01/2015 là 7,54%/năm, tương đương 0,628%/tháng).

Đối với số tiền nợ BHYT, theo quy định tại khoản 2 Điều 49 Luật BHYT 2008 người sử dụng lao động có trách nhiệm đóng bảo hiểm y tế mà không đóng hoặc đóng không đầy đủ theo quy định của pháp luật thì cùng với việc phải đóng đủ số tiền chưa đóng, còn phải nộp số tiền lãi trong thời gian chậm đóng theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố; Theo quy định tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố mức lãi suất cơ bản trong thời gian từ năm 2011 cho đến nay còn hiệu lực quy định là 9%/năm, BHXH thành phố Đồng Hới đã tính lãi suất 0,75%/tháng/số tiền nợ BHYT là đúng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật BHYT năm 2014 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2015 thì người sử dụng lao động không đóng hoặc đóng không đầy đủ bảo hiểm y tế thì cùng với việc phải đóng đủ số tiền chưa đóng, còn phải nộp số tiền *bằng hai lần mức lãi suất liên ngân hàng tính trên số tiền, thời gian chậm đóng*. Trong khi chờ đợi văn bản hướng dẫn của BHXHVN, BHXH tạm tính tỷ lệ lãi suất của số tiền chưa đóng, chậm đóng năm 2015 vẫn là 0,75%/tháng, sau này nếu có chênh lệch tỷ lệ lãi suất BHXH có trách nhiệm điều chỉnh tiền lãi đối với số nợ BHYT.

Việc tính lãi của BHXH thành phố Đồng Hới đối với số tiền BHXH, BHYT, BHYT bị đơn chưa đóng, chậm đóng đúng theo quy định tại Quyết định 1111/QĐ-BHXH ngày 25/10/2011 của Tổng giám đốc BHXH Việt Nam ban hành và các hướng dẫn nghiệp vụ của BHXHVN.

Theo đó, từ năm 2012 đến ngày 16/4/2015 Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại N. đóng thiếu, đóng chậm và phải chịu tiền lãi theo quy định, số tiền tổng cộng là: 111.495.654 đồng.

Vì vậy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền: Đóng thiếu BHXH là 80.855.227 đồng, tiền lãi 17.415.663 đồng, cộng: 98.270.890 đồng. Đóng thiếu BHYT: 10.779.770 đồng, tiền lãi 1.997.541 đồng, cộng: 12.777.221 đồng. Đóng thiếu BHYTN (từ 01/01/2015 đến 16/4/2015): 445.440 đồng lãi 2.103 đồng, cộng: 447.543 đồng.

Cho đến khi thi hành xong các khoản tiền Bị đơn Cty TNHH N. tiếp tục phải chịu lãi suất, theo mức lãi suất của hoạt động đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội tại thời điểm đóng, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền BHXH, BHYTN theo quy định tại khoản 3 Điều 138 Luật BHXH. Đồng thời, còn

phải tiếp tục phải chịu lãi suất bằng hai lần mức lãi suất liên ngân hàng tính trên số tiền, thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ BHYT theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật BHYT 2014.

Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 131 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án và khoản 4 mục I Danh mục mức án phí, lệ phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,
QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 31, điểm c khoản 1 Điều 33, Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 199, khoản 3 Điều 202 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 186 Bộ luật Lao động 2012, các Điều 18, 91, 92, 134, khoản 3 Điều 138 Luật Bảo hiểm xã hội 2006; các Điều 12, 13, 15, khoản 2 Điều 49 Luật Bảo hiểm y tế 2008, khoản 3 Điều 49 Luật BHYT (đã được sửa đổi bổ sung 2014); Điều 43, Điều 44, các điểm a, b khoản 1 Điều 57 Luật Việc làm 2013, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Công ty TNHH Xây dựng và Thương Mại N. phải trả cho Bảo hiểm xã hội thành phố Đ., tỉnh Quảng Bình số tiền nợ BHXH, BHTN và BHYT tính từ tháng 01/2012 đến ngày 16/4/2015 là: 111.495.654 đồng (*Một trăm mười một triệu bốn trăm chín mươi lăm ngàn sáu trăm năm mươi bốn đồng*) trong đó:

1. Tiền BHXH là 98.270.890 đồng (tiền đóng thiếu, chưa đóng: 80.855.227 đồng, tiền lãi 17.415.663 đồng).

2. Tiền BHTN là 447.543 đồng (tiền đóng thiếu, chưa đóng 445.440 đồng, tiền lãi 2.103 đồng).

3. Tiền BHYT là 12.777.221 đồng (tiền đóng thiếu, chưa đóng 10.779.770 đồng, tiền lãi 1.997.541 đồng);

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người sử dụng lao động (Công ty TNHH N.) chưa thực hiện nghĩa vụ đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp thì ngoài số tiền chưa đóng còn phải chịu lãi suất, theo mức lãi suất của hoạt động đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội tại thời điểm đóng, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ đóng BHXH, BHTN theo quy định tại khoản 3 Điều 138 Luật BHXH năm 2006; Nếu người sử dụng lao động chưa thực hiện nghĩa vụ đóng tiền bảo hiểm y tế thì cùng với việc phải đóng đủ số tiền chưa đóng, còn phải nộp số tiền lãi bằng hai lần mức lãi suất liên ngân hàng tính trên số tiền, thời gian chậm đóng, cho đến khi thi hành xong theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Luật BHYT sửa đổi bổ sung năm 2014.

- Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 131 BLTTDS; Điều 27 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án và khoản 4 mục I Danh mục mức án phí, lệ phí xử: Buộc Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại N. phải chịu 3.344.869 đồng án phí tranh chấp Lao động sơ thẩm để sung quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Đồng Hới;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THA DS TP. Đồng Hới;
- Các đương sự.
- Lưu án, Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Hồng Sơn